

Số: 634/QĐ-SGDHN

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Quản lý Thị trường giao dịch chứng khoán chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**TỔNG GIÁM ĐỐC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg ngày 02/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2398/QĐ-BTC ngày 21/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán cho chứng khoán chưa niêm yết; Thông tư số 13/2019/TT-BTC ngày 15/3/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 180/2015/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BTC ngày 11/4/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và chuyển nhượng vốn nhà nước theo phương thức dự sỏ;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 203/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 229/NQ-HĐQT ngày 20/9/2019 của Hội đồng Quản trị Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc thống nhất thông qua dự thảo Quy chế Tổ chức và Quản lý Thị trường giao dịch chứng khoán chưa niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 5189/UBCK-PTTT ngày 27/8/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc phê duyệt Dự thảo Quy chế thay thế Quy chế Tổ chức và Quản lý Thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Hệ thống Giao dịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Tổ chức và Quản lý Thị trường giao dịch chứng khoán chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 455/QĐ-SGDHN ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Quản lý Thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 3. Giám đốc Phòng Tổng hợp – Pháp chế, Giám đốc Phòng Hệ thống Giao dịch, Giám đốc các đơn vị thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN;
- HĐQT;
- Các CTCK Thành viên;
- Các tổ chức đăng ký giao dịch;
- TTLKCK;
- NH Chi định thanh toán;
- Lưu: VT, HTGD.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÒNG TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Như Quỳnh

QUY CHẾ

**Tổ chức và Quản lý Thị trường giao dịch chứng khoán
chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 684/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 9 năm 2019
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về hoạt động đăng ký giao dịch, quản lý đăng ký giao dịch, công bố thông tin và giao dịch chứng khoán trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết, doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định pháp luật về cổ phần hóa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Các tổ chức đăng ký giao dịch;
- b) Các thành viên giao dịch thị trường Upcom;
- c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
3. TTLKCK: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
4. Thị trường đăng ký giao dịch tại SGDCK (sau đây gọi tắt là thị trường Upcom): là thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết, doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định pháp luật về cổ phần hóa.
5. Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (sau đây viết tắt là “hệ thống giao dịch Upcom”): là hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết do SGDCK tổ chức.
6. Chứng khoán đăng ký giao dịch: là chứng khoán của công ty đại chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định pháp luật về cổ phần hóa được chấp thuận đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

7. Đăng ký giao dịch: là việc đưa chứng khoán của công ty đại chúng và doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định pháp luật về cổ phần hóa vào giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

8. Tổ chức đăng ký giao dịch: là công ty đại chúng và doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định pháp luật về cổ phần hóa có chứng khoán đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

9. Doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định pháp luật về cổ phần hóa: là doanh nghiệp thuộc các đối tượng được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

10. Thành viên giao dịch thị trường Upcom (sau đây viết tắt là “thành viên”): là công ty chứng khoán được SGDCK chấp thuận trở thành thành viên giao dịch thị trường Upcom.

11. Đại diện giao dịch: là nhân viên do thành viên cử và được SGDCK chấp thuận cấp thẻ đại diện giao dịch.

12. Hệ thống nhập lệnh của SGDCK: là một phần của hệ thống giao dịch, bao gồm hệ thống máy tính tại phòng nhập lệnh khẩn cấp của SGDCK và hệ thống máy tính giao dịch từ xa, do đại diện giao dịch sử dụng để nhập lệnh trực tiếp vào hệ thống giao dịch Upcom.

13. Hệ thống giao dịch trực tuyến của thành viên: là toàn bộ hoặc một phần hệ thống máy tính của thành viên kết nối với hệ thống giao dịch Upcom của SGDCK để thực hiện giao dịch trực tuyến.

14. Lệnh giới hạn: là lệnh mua hoặc lệnh bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn. Mức giá tốt hơn là mức giá cao hơn mức giá xác định đối với lệnh bán và mức giá thấp hơn mức giá xác định đối với lệnh mua.

15. Nghị định 58/2012/NĐ-CP: Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

16. Nghị định 60/2015/NĐ-CP: Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

17. Nghị định 126/2017/NĐ-CP: Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

18. Thông tư 05/2015/TT-BTC: Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

19. Thông tư 180/2015/TT-BTC: Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết.

20. Thông tư 13/2019/TT-BTC: Thông tư số 13/2019/TT-BTC ngày 15/03/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 180/2015/TT-BTC;

21. Thông tư 203/2015/TT-BTC: Thông tư số 203/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán.

22. Thông tư 40/2018/TT-BTC: Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần.

23. Thông tư 21/2019/TT-BTC: Thông tư số 21/2019/TT-BTC ngày 11/4/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và chuyển nhượng vốn nhà nước theo phương thức dựng sổ.

Chương II **ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

Điều 3. Đối tượng đăng ký giao dịch

Các đối tượng phải thực hiện đăng ký giao dịch theo quy định tại Điều 3 Thông tư 180/2015/TT-BTC và Khoản 3 Điều 1 Thông tư 13/2019/TT-BTC bao gồm:

- a) Công ty đại chúng không đủ điều kiện niêm yết;
- b) Công ty đại chúng đủ điều kiện niêm yết nhưng chưa niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán;
- c) Công ty hủy niêm yết nếu vẫn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng (bao gồm cả trường hợp bị hủy niêm yết do công ty hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, hoán đổi không đáp ứng điều kiện niêm yết);
- d) Doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định pháp luật về cổ phần hóa chưa niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 4. Hồ sơ đăng ký giao dịch

1. Hồ sơ đăng ký giao dịch của công ty đại chúng đã đăng ký chứng khoán tại TTLKCK và công ty đại chúng hủy niêm yết trước ngày 01/01/2016 thực hiện theo quy định tại tiết a, b, d Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 4 Thông tư 180/2015/TT-BTC và Khoản 6 Điều 1 Thông tư 13/2019/TT-BTC, cụ thể như sau:

- a) Giấy đề nghị đăng ký giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 180/2015/TT-BTC;
- b) Thông tin tóm tắt về công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;

c) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền trước năm nộp hồ sơ đăng ký giao dịch của doanh nghiệp, trừ một số trường hợp sau:

- Trường hợp công ty đại chúng nộp hồ sơ đăng ký giao dịch sau khi thay đổi loại hình doanh nghiệp trước hoặc trong năm nộp hồ sơ thì sử dụng Báo cáo tài chính kiểm toán năm liền trước năm nộp hồ sơ đăng ký giao dịch đủ 12 tháng của doanh nghiệp đó trong giai đoạn trước chuyển đổi hoặc cả hai giai đoạn trước và sau chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Trường hợp công ty bị hủy niêm yết do hợp nhất và sau hợp nhất vẫn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng và việc hợp nhất hoàn thành trong năm liền trước năm nộp hồ sơ đăng ký giao dịch thì sử dụng Báo cáo tài chính kiểm toán năm liền trước năm đăng ký giao dịch (kỳ báo cáo không đủ 12 tháng) đã được kiểm toán của công ty hợp nhất; Trường hợp việc hợp nhất hoàn thành trong năm nộp hồ sơ đăng ký giao dịch thì sử dụng Báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán của các công ty bị hợp nhất;

- Trường hợp doanh nghiệp nhà nước hoàn tất việc cổ phần hóa cùng năm nộp hồ sơ đăng ký giao dịch thì sử dụng Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán của doanh nghiệp trong giai đoạn là doanh nghiệp nhà nước và báo cáo kiểm toán vốn thời điểm chính thức trở thành công ty cổ phần;

- Trường hợp doanh nghiệp nhà nước hoàn tất việc cổ phần hóa trong năm liền trước năm nộp hồ sơ đăng ký giao dịch thì sử dụng Báo cáo tài chính được kiểm toán cho giai đoạn từ khi công ty chính thức trở thành công ty cổ phần đến hết năm tài chính đó;

- Các trường hợp khác do SGDCK hướng dẫn sau khi có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN.

Trường hợp doanh nghiệp thay đổi về vốn điều lệ thực góp thì ngoài báo cáo tài chính theo quy định tại điểm này, doanh nghiệp nộp thêm báo cáo kiểm toán vốn.

d) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của TTLKCK và bản sao công văn thông báo cho TTLKCK về việc đăng ký ngày chốt danh sách cổ đông để đăng ký giao dịch.

2. Hồ sơ đăng ký giao dịch của công ty đại chúng chưa đăng ký chứng khoán tại TTLKCK thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư 180/2015/TT-BTC, cụ thể như sau:

a) Hồ sơ đăng ký chứng khoán tại TTLKCK theo quy định pháp luật chứng khoán về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán (nộp cho TTLKCK).

b) Tài liệu quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này (nộp cho SGDCK).

3. Hồ sơ đăng ký giao dịch của doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định pháp luật về cổ phần hóa

a) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa gắn với đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, hồ sơ đăng ký giao

dịch thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư 40/2018/TT-BTC hoặc khoản 5 Điều 28 Thông tư 21/2019/TT-BTC (đối với trường hợp doanh nghiệp bán cổ phần theo phương thức dựng sổ).

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đã hoàn tất việc chuyển sang công ty cổ phần theo quy định pháp luật về cổ phần hóa nhưng chưa đăng ký giao dịch hoặc không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a khoản 3 Điều này, hồ sơ đăng ký giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 5. Trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch

1. Đối với công ty đại chúng chưa niêm yết, không đủ điều kiện niêm yết, và công ty đại chúng hủy niêm yết trước ngày 01/01/2016, trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch cụ thể như sau:

a) Hồ sơ đăng ký giao dịch được lập thành một (01) bộ bản gốc kèm theo một (01) bản dữ liệu điện tử (nếu có), nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho SGDCK.

b) Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, SGDCK yêu cầu công ty đại chúng sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu cần).

c) Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của TTLKCK (đối với công ty đại chúng chưa đăng ký chứng khoán tại TTLKCK), SGDCK cấp Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch đồng thời công bố thông tin ra thị trường. Trường hợp từ chối, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ ngày nhận được Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch, công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty.

2. Đối với công ty đại chúng hủy niêm yết sau ngày 01/01/2016

Căn cứ vào quyết định hủy niêm yết, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực, SGDCK ban hành Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch.

3. Đối với doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định pháp luật về cổ phần hóa:

a) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa gắn với đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom:

Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán do TTLKCK cấp cho số cổ phần doanh nghiệp bán được qua đấu giá và hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 4, SGDCK cấp Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch và thông báo ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày làm việc thứ năm (05) sau ngày SGDCK cấp quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch.

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đã hoàn tất việc chuyển sang công ty cổ phần theo quy định pháp luật về cổ phần hóa nhưng chưa đăng ký giao dịch

hoặc không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này, trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

c) Doanh nghiệp cổ phần hóa sau khi đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom phải thực hiện công bố thông tin như công ty đại chúng.

4. Tổ chức đăng ký giao dịch được đăng ký ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên theo nguyên tắc sau:

a) Chậm nhất hai (02) ngày làm việc sau ngày được cấp Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch, tổ chức đăng ký giao dịch gửi công văn cho SGDCK đăng ký ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên.

Ngày giao dịch đầu tiên phải là ngày sau ngày SGDCK nhận được công văn của tổ chức đăng ký giao dịch tối thiểu năm (05) ngày làm việc và không quá mười (10) ngày kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch.

b) Tổ chức đăng ký giao dịch được đăng ký ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên ngay tại hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc trong quá trình SGDCK rà soát hồ sơ đăng ký giao dịch của công ty.

Sau khi được cấp Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch, Tổ chức đăng ký giao dịch phải đăng ký lại ngày giao dịch đầu tiên theo quy định tại điểm a khoản này nếu ngày giao dịch đầu tiên đã đăng ký không sau ngày cấp Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch tối thiểu 05 ngày làm việc.

c) SGDCK công bố thông tin và thông báo cho tổ chức đăng ký giao dịch về ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu của ngày giao dịch đầu tiên.

d) Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch sẽ hết hiệu lực nếu tổ chức đăng ký giao dịch không hoàn tất thủ tục đưa chứng khoán vào giao dịch trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày SGDCK cấp Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch, đồng thời SGDCK báo cáo UBCKNN xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 6. Các trường hợp thay đổi đăng ký giao dịch

Tổ chức đăng ký giao dịch phải thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký giao dịch trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 180/2015/TT-BTC và Khoản 10 Điều 1 Thông tư 13/2019/TT-BTC.

Điều 7. Hồ sơ thay đổi đăng ký giao dịch

1. Hồ sơ thay đổi đăng ký giao dịch được thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 Thông tư 180/2015/TT-BTC và Khoản 10 Điều 1 Thông tư 13/2019/TT-BTC.

2. Hồ sơ thay đổi đăng ký giao dịch tại Khoản 1 Điều này được lập thành một (01) bộ bản gốc kèm theo một (01) bản dữ liệu điện tử (nếu có).

Điều 8. Trình tự, thủ tục thay đổi đăng ký giao dịch

1. Tổ chức đăng ký giao dịch nộp hồ sơ thay đổi đăng ký giao dịch trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho SGDCK.

Tổ chức đăng ký giao dịch có trách nhiệm hoàn tất thủ tục thay đổi đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu phát hành trong các đợt chào bán ra công chúng và chào bán riêng lẻ trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.

Trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty, tổ chức đăng ký giao dịch phải tiến hành đăng ký giao dịch bổ sung đối với số lượng cổ phiếu đã phát hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày UBCKNN gửi thông báo kết quả phát hành cho tổ chức phát hành.

2. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi đăng ký giao dịch, SGDCK có trách nhiệm yêu cầu tổ chức đăng ký giao dịch sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu cần).

3. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, SGDCK cấp Quyết định chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch đồng thời thực hiện công bố thông tin ra thị trường. Trường hợp từ chối, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch thay đổi tăng, trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ban hành Quyết định chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch, tổ chức đăng ký giao dịch phải đăng ký ngày giao dịch cho số lượng chứng khoán mới (ngày giao dịch phải sau ít nhất sáu (06) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký giao dịch nhưng tối đa không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch) và hoàn tất các thủ tục để đưa chứng khoán mới vào giao dịch.

5. SGDCK thông báo ngày giao dịch đầu tiên cho số lượng chứng khoán mới đăng ký giao dịch hoặc thông báo ngày chứng khoán được phép giao dịch trở lại (đối với trường hợp tách, gộp cổ phiếu; tách doanh nghiệp) hoặc thông báo ngày huỷ đăng ký giao dịch phân chứng khoán giảm (đối với trường hợp thay đổi giảm số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch) trên cơ sở đề nghị của tổ chức đăng ký giao dịch.

Chương III

QUẢN LÝ GIAO DỊCH

Điều 9. Quy tắc chung

1. Chứng khoán đăng ký giao dịch tại SGDCK phải được giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom của SGDCK, ngoại trừ các trường hợp sau:

a) Các trường hợp giao dịch không mang tính chất mua bán hoặc không thể thực hiện được qua hệ thống giao dịch Upcom của SGDCK theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 19 Thông tư 05/2015/TT-BTC;

b) Các trường hợp xử lý lỗi sau giao dịch thực hiện qua hệ thống của TTLKCK theo các quy định hiện hành;

2. Các giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch Upcom được thực hiện qua thành viên. Hệ thống giao dịch Upcom của SGDCK chỉ nhận lệnh từ thành viên thông qua hệ thống nhập lệnh của SGDCK và hệ thống giao dịch trực tuyến của thành viên.

3. Chi đại diện giao dịch của thành viên mới được nhập lệnh vào hệ thống nhập lệnh của SGDCK. Hoạt động của đại diện giao dịch phải tuân thủ các quy định về giao dịch tại Quy chế này, các quy trình và quy định liên quan của SGDCK về đại diện giao dịch. Thành viên chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của các đại diện giao dịch của mình.

Điều 10. Thời gian giao dịch

1. SGDCK tổ chức giao dịch từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định trong Bộ Luật lao động.

2. Thời gian giao dịch cụ thể do Tổng Giám đốc SGDCK quy định sau khi được UBCKNN chấp thuận.

3. SGDCK quyết định thay đổi thời gian giao dịch trong trường hợp cần thiết sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 11. Tạm ngừng giao dịch trên thị trường

1. SGDCK tạm ngừng hoạt động giao dịch của thị trường Upcom trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư 203/2015/TT-BTC.

2. Hoạt động giao dịch được tiếp tục ngay sau khi các trường hợp dẫn đến việc SGDCK tạm ngừng hoạt động giao dịch của thị trường Upcom được khắc phục. Trường hợp không thể khắc phục thì ngày giao dịch được coi là kết thúc ở lần khớp lệnh cuối cùng trước đó.

3. SGDCK có thể căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định và thông báo thay đổi thời gian giao dịch cho phù hợp.

4. SGDCK thực hiện báo cáo UBCKNN ngay khi quyết định tạm ngừng hoạt động giao dịch của thị trường Upcom trong trường hợp hệ thống giao dịch hoặc hệ thống chuyển lệnh gặp sự cố và khi xảy ra trường hợp bất khả kháng.

Điều 12. Phương thức giao dịch

1. SGDCK tổ chức giao dịch đối với chứng khoán đăng ký giao dịch thông qua hệ thống giao dịch Upcom theo 2 phương thức sau:

a) *Phương thức khớp lệnh liên tục* là phương thức giao dịch được thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch Upcom.

b) *Phương thức thoả thuận* là phương thức giao dịch trong đó các điều kiện giao dịch được các bên tham gia thoả thuận với nhau và xác nhận thông qua hệ thống giao dịch Upcom.

2. Đối với hình thức giao dịch khớp lệnh liên tục, thành viên phải nhập lệnh ngay vào hệ thống giao dịch Upcom theo thứ tự ưu tiên về thời gian.

3. Đối với hình thức giao dịch thoả thuận, thành viên có trách nhiệm chuyển ngay kết quả giao dịch đã được thoả thuận vào hệ thống giao dịch Upcom trong thời gian giao dịch của SGDCK theo thứ tự ưu tiên về thời gian.

4. Trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu mới đăng ký giao dịch hoặc ngày đầu tiên giao dịch trở lại của cổ phiếu không có giao dịch trên hai năm (25) phiên liên tiếp, SGDCK chỉ nhận lệnh giao dịch theo phương thức khớp lệnh liên tục; SGDCK không thực hiện nhận lệnh giao dịch theo phương thức giao dịch thoả thuận cho đến khi có giá tham chiếu được xác lập từ kết quả của phương thức khớp lệnh liên tục.

5. Trong trường hợp cần thiết, SGDCK quyết định thay đổi hoặc bổ sung phương thức giao dịch đối với từng loại chứng khoán sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 13. Xác lập và huỷ bỏ giao dịch

1. Giao dịch chứng khoán được xác lập khi hệ thống giao dịch Upcom thực hiện khớp lệnh mua và lệnh bán theo phương thức khớp lệnh hoặc ghi nhận giao dịch theo phương thức thoả thuận, ngoại trừ có quy định khác do SGDCK ban hành.

2. Bên mua và bên bán có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với giao dịch chứng khoán đã được xác lập.

3. Trong trường hợp giao dịch đã được thiết lập ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các nhà đầu tư hoặc toàn bộ giao dịch trên thị trường, SGDCK có thể quyết định sửa hoặc huỷ bỏ giao dịch sau khi báo cáo UBCKNN về việc sửa hoặc huỷ bỏ giao dịch trên.

4. Trong trường hợp hệ thống giao dịch Upcom gặp sự cố dẫn đến tạm ngừng giao dịch, SGDCK có trách nhiệm báo cáo UBCKNN theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư 203/2015/TT-BTC và SGDCK căn cứ tình hình khắc phục sự cố để quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả giao dịch.

Điều 14. Đơn vị giao dịch

1. Đơn vị giao dịch khớp lệnh liên tục là 100 chứng khoán.

2. Không quy định đơn vị giao dịch đối với giao dịch thoả thuận.

3. Giao dịch lô lẻ có khối lượng từ 1 đến 99 chứng khoán có thể được thực hiện theo phương thức giao dịch khớp lệnh liên tục hoặc thoả thuận trên hệ thống giao dịch Upcom của SGDCK hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu mới đăng ký giao dịch hoặc ngày đầu tiên giao dịch trở lại của cổ phiếu không có giao dịch trên hai năm (25) phiên liên tiếp, SGDCK không nhận lệnh giao dịch lô lẻ cho đến khi có giá tham chiếu được xác lập từ kết quả của phương thức khớp lệnh liên tục.

4. SGDCK quyết định thay đổi đơn vị giao dịch khi cần thiết sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 15. Đơn vị yết giá

1. Đơn vị yết giá quy định đối với cổ phiếu là 100 đồng.
2. Không quy định đơn vị yết giá đối với giao dịch thỏa thuận và chứng khoán khác.

Điều 16. Biên độ dao động giá

1. SGDCK quy định biên độ dao động giá đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch trong ngày giao dịch sau khi được UBCKNN chấp thuận.
2. SGDCK quyết định thay đổi biên độ dao động giá trong trường hợp cần thiết sau khi được UBCKNN chấp thuận.
3. Biên độ dao động giá đối với cổ phiếu mới đăng ký giao dịch trong ngày giao dịch đầu tiên hoặc cổ phiếu không có giao dịch trên hai năm (25) phiên giao dịch liên tiếp là $\pm 40\%$ so với giá tham chiếu.
4. Biên độ dao động giá đối với trường hợp trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu trong ngày không hưởng quyền hoặc trả cổ tức bằng tiền với giá trị số tiền lớn hơn hoặc bằng giá bình quân gia quyền của cổ phiếu trong ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền là $\pm 40\%$ so với giá tham chiếu.

Điều 17. Giới hạn dao động giá

1. Giới hạn dao động giá được xác định như sau:
Giá trần = Giá tham chiếu + (Giá tham chiếu x Biên độ dao động giá).
Giá sàn = Giá tham chiếu - (Giá tham chiếu x Biên độ dao động giá).
2. Trường hợp sau khi tính toán, giá trần và giá sàn bằng giá tham chiếu, giới hạn dao động giá được xác định lại như sau:
Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + 01 đơn vị yết giá.
Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu - 01 đơn vị yết giá.
3. Trường hợp giá tham chiếu bằng 100 đồng, giới hạn dao động giá được xác định lại như sau:
Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + 01 đơn vị yết giá.
Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu.

Điều 18. Giá tham chiếu

1. Đối với cổ phiếu mới đăng ký giao dịch, việc xác định giá tham chiếu của ngày giao dịch đầu tiên do tổ chức đăng ký giao dịch đề xuất. Tổ chức đăng ký giao dịch phải công khai phương pháp xác định giá tham chiếu, nguyên tắc và các dữ liệu tài chính tại báo cáo tài chính hoặc tài liệu liên quan khác để xác định giá tham chiếu. Trường hợp tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng đã

hủy niêm yết thực hiện theo Khoản 2 Điều 5 Quy chế này, giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là giá đóng cửa hoặc giá tham chiếu (đối với trường hợp ngày giao dịch cuối cùng không có giao dịch để xác định giá đóng cửa) của ngày giao dịch cuối cùng tại thị trường niêm yết.

2. Đối với doanh nghiệp cổ phần hóa đăng ký bán đấu giá cổ phần qua Sở giao dịch chứng khoán đồng thời với đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom, giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên là giá đấu thành công bình quân của cuộc đấu giá công khai (đối với trường hợp bán đấu giá công khai) hoặc giá phân phối cho nhà đầu tư (đối với chào bán theo hình thức dựng số).

3. Giá tham chiếu của cổ phiếu đang giao dịch là bình quân gia quyền của các giá giao dịch lô chẵn thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục của ngày có giao dịch khớp lệnh liên tục gần nhất trước đó.

4. SGDCK công bố giá tham chiếu hàng ngày của các chứng khoán đang giao dịch.

5. Trường hợp giao dịch chứng khoán không được hưởng cổ tức và các quyền kèm theo, giá tham chiếu tại ngày không hưởng quyền được xác định theo nguyên tắc lấy giá bình quân gia quyền của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị của các quyền kèm theo, ngoại trừ các trường hợp sau:

- a) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu chuyển đổi.
- b) Doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu với giá phát hành cao hơn giá bình quân gia quyền của ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).
- c) Doanh nghiệp trả cổ tức bằng tiền với giá trị số tiền lớn hơn hoặc bằng giá bình quân gia quyền của cổ phiếu trong ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền.
- d) Doanh nghiệp thực hiện trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu.

6. Trường hợp tách hoặc gộp cổ phiếu, giá tham chiếu tại ngày giao dịch trở lại được xác định theo nguyên tắc lấy giá bình quân gia quyền của ngày giao dịch trước ngày tách, gộp điều chỉnh theo tỷ lệ tách, gộp cổ phiếu.

7. Trong một số trường hợp cần thiết hoặc khi phân bảng thị trường, SGDCK có thể áp dụng phương pháp xác định giá tham chiếu khác sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 19. Ký hiệu lệnh giao dịch

Các ký hiệu lệnh giao dịch đối với lệnh nhập vào hệ thống giao dịch Upcom bao gồm:

Loại nhà đầu tư	Ký hiệu lệnh
Thành viên trong nước giao dịch tự doanh	P
Thành viên nước ngoài giao dịch tự doanh	E
Nhà đầu tư trong nước lưu ký tại thành viên	C
Nhà đầu tư nước ngoài lưu ký tại thành viên, tổ chức lưu ký trong nước hoặc tổ chức lưu ký nước ngoài; Tổ chức lưu ký nước ngoài tự doanh	F
Nhà đầu tư trong nước lưu ký tại tổ chức lưu ký trong nước hoặc tại tổ chức lưu ký nước ngoài; Tổ chức lưu ký trong nước tự doanh	M

Điều 20. Nội dung lệnh giao dịch khớp lệnh

1. Lệnh giao dịch theo phương thức khớp lệnh liên tục là lệnh giới hạn.
2. Lệnh giới hạn có hiệu lực kể từ khi nhập vào hệ thống giao dịch Upcom cho đến khi kết thúc ngày giao dịch hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.
3. Nội dung lệnh giao dịch theo phương thức khớp lệnh liên tục trên hệ thống giao dịch Upcom bao gồm:
 - Số hiệu lệnh.
 - Loại lệnh.
 - Lệnh mua hoặc bán.
 - Mã chứng khoán.
 - Khối lượng.
 - Giá.
 - Số hiệu tài khoản của nhà đầu tư.

Điều 21. Nội dung xác nhận kết quả giao dịch khớp lệnh

SGDCK xác nhận kết quả giao dịch theo phương thức khớp lệnh liên tục với các nội dung sau:

1. Số hiệu lệnh giao dịch.
2. Số hiệu xác nhận giao dịch.
3. Loại lệnh.
4. Mã chứng khoán.
5. Giá thực hiện.
6. Khối lượng thực hiện.

7. Thời gian giao dịch được thực hiện.
8. Lệnh mua hoặc bán.
9. Ký hiệu của lệnh.
10. Số hiệu tài khoản của nhà đầu tư.
11. Mã thành viên.
12. Các nội dung khác theo quy định của SGDCK.

Điều 22. Nguyên tắc khớp lệnh và xác định giá khớp lệnh

1. Hệ thống giao dịch Upcom thực hiện so khớp các lệnh giao dịch khớp lệnh liên tục theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên về giá và thời gian, cụ thể như sau:

a) Ưu tiên về giá:

- Lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước;
- Lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.

b) Ưu tiên về thời gian:

Trường hợp các lệnh mua hoặc lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch Upcom trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước.

2. Giá thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục là giá của lệnh đối ứng đang chờ trên sổ lệnh.

Điều 23. Sửa, hủy lệnh giao dịch khớp lệnh

1. Việc sửa lệnh, hủy lệnh giao dịch khớp lệnh liên tục chỉ có hiệu lực đối với lệnh gốc chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh gốc chưa được thực hiện.

2. Lệnh giới hạn được phép sửa giá, khối lượng và hủy lệnh trong thời gian giao dịch. Thứ tự ưu tiên của lệnh sau khi sửa được xác định như sau:

- a) Thứ tự ưu tiên của lệnh không đổi trong trường hợp sửa giảm khối lượng;
- b) Thứ tự ưu tiên của lệnh được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống giao dịch Upcom đối với các trường hợp sửa tăng khối lượng và/hoặc sửa giá.

3. Thành viên phải tuân thủ quy trình sửa, hủy lệnh do SGDCK ban hành.

Điều 24. Nội dung lệnh giao dịch thỏa thuận

1. Nội dung lệnh chào giao dịch thỏa thuận theo phương thức thỏa thuận trên hệ thống giao dịch Upcom bao gồm:

- a) Mã chứng khoán;
- b) Khối lượng;
- c) Giá;
- d) Lệnh chào mua hoặc bán.

2. Nội dung lệnh giao dịch theo phương thức thỏa thuận do thành viên bên mua và bên bán nhập vào hệ thống giao dịch Upcom gồm:

- a) Mã chứng khoán;
- b) Giá thực hiện;
- c) Khối lượng;
- d) Tài khoản nhà đầu tư mua;
- e) Tài khoản nhà đầu tư bán;
- f) Các nội dung khác theo quy định của SGDCK.

Điều 25. Nội dung xác nhận kết quả giao dịch thỏa thuận

SGDCK xác nhận kết quả giao dịch theo phương thức thỏa thuận với các nội dung sau:

1. Mã chứng khoán;
2. Số hiệu lệnh gốc;
3. Số hiệu lệnh liên quan;
4. Giá;
5. Khối lượng;
6. Trạng thái giao dịch;
7. Thời gian hoàn tất giao dịch trên hệ thống;
8. Ký hiệu thành viên bên mua và bên bán;
9. Số hiệu tài khoản của nhà đầu tư bên mua và bên bán.

Điều 26. Nguyên tắc thỏa thuận

1. Lệnh chào giao dịch thỏa thuận có thể gửi đến một đối tác hoặc toàn bộ thị trường theo yêu cầu của nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư không yêu cầu cụ thể, lệnh chào giao dịch thỏa thuận được gửi đến toàn bộ thị trường.

2. Lệnh giao dịch theo phương thức thỏa thuận được thực hiện theo nguyên tắc bên bán nhập lệnh giao dịch vào hệ thống và bên mua xác nhận.

3. Trình tự thực hiện giao dịch được quy định trong Quy trình giao dịch thỏa thuận do SGDCK ban hành.

Điều 27. Sửa, hủy lệnh giao dịch thỏa thuận

1. Giao dịch thỏa thuận đã thực hiện trên hệ thống giao dịch Upcom không được phép hủy bỏ.

2. Trong thời gian giao dịch, trường hợp thành viên nhập sai giao dịch thỏa thuận của nhà đầu tư, thành viên được phép sửa giao dịch thỏa thuận nhưng phải xuất trình lệnh gốc của nhà đầu tư, phải được bên đối tác giao dịch xác nhận việc sửa đó và được SGDCK chấp thuận cho phép sửa giao dịch thỏa thuận.

3. Việc sửa giao dịch thoả thuận của thành viên phải tuân thủ quy trình sửa giao dịch thoả thuận do SGDCK ban hành.

Điều 28. Xử lý lỗi sau giao dịch

1. Sau khi kết thúc thời gian giao dịch, trường hợp thành viên phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình nhận lệnh, chuyển lệnh, nhập lệnh vào hệ thống giao dịch Upcom, thành viên phải báo cáo SGDCK về lỗi giao dịch và chịu trách nhiệm giải quyết với nhà đầu tư về lỗi giao dịch.

2. Việc xử lý lỗi sau giao dịch của thành viên phải tuân thủ quy định về xử lý lỗi sau giao dịch do TTLKCK ban hành.

Điều 29. Các giao dịch đặc biệt

Tổ chức đăng ký giao dịch mua lại cổ phiếu quỹ, bán cổ phiếu quỹ trên hệ thống giao dịch của SGDCK phải tuân thủ quy định về giao dịch cổ phiếu quỹ tại Điều 8 Thông tư 203/2015/TT-BTC. Trường hợp sau khi tính toán, giá đặt cao nhất, thấp nhất để thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ bằng với giá tham chiếu thì thực hiện theo giá tham chiếu. Tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ không theo các quy định nêu trên phải được sự chấp thuận bằng văn bản của UBCKNN ít nhất ba (3) ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch.

Chương IV

CÁC TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BỊ NHẮC NHỞ VI PHẠM TRÊN TOÀN THỊ TRƯỜNG, TẠM DỪNG GIAO DỊCH, HẠN CHẾ GIAO DỊCH, ĐÌNH CHỈ GIAO DỊCH, HỦY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Điều 30. Nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường

1. SGDCK thực hiện biện pháp nhắc nhở bằng hình thức công bố công khai trên toàn thị trường đối với các tổ chức đăng ký giao dịch chậm công bố thông tin quá ba mươi (30) ngày so với thời hạn quy định chung đối với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét.

2. Tổ chức đăng ký giao dịch phải giải trình nguyên nhân và đưa ra phương án khắc phục tình trạng bị nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường và công bố thông tin theo yêu cầu của SGDCK.

Điều 31. Tạm dừng giao dịch

1. SGDCK thực hiện biện pháp tạm dừng giao dịch từng loại chứng khoán cụ thể trong thời hạn tối đa năm (05) phiên giao dịch khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Giá, khối lượng giao dịch chứng khoán có biến động bất thường;

b) Tổ chức đăng ký giao dịch chậm công bố thông tin quá bốn mươi lăm (45) ngày so với thời hạn quy định chung đối với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét;

c) Tổ chức đăng ký giao dịch không công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời gian sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

d) Tổ chức đăng ký giao dịch không công bố thông tin bất thường trong thời hạn quy định đối với các thông tin trọng yếu có liên quan đến tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

2. Căn cứ giải trình, công bố thông tin của tổ chức đăng ký giao dịch, SGDCK xem xét cho phép chứng khoán đăng ký giao dịch bị tạm dừng giao dịch được giao dịch trở lại bình thường. Trường hợp tổ chức đăng ký giao dịch không thực hiện giải trình, công bố thông tin theo yêu cầu, hết thời hạn tạm dừng giao dịch, SGDCK xem xét áp dụng hình thức hạn chế giao dịch đối với chứng khoán của tổ chức đăng ký giao dịch.

3. SGDCK thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đồng thời yêu cầu tổ chức đăng ký giao dịch giải trình, công bố thông tin trong trường hợp cần thiết nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Điều 32. Hạn chế giao dịch

1. Chứng khoán đăng ký giao dịch bị hạn chế về thời gian giao dịch hoặc biên độ dao động giá giao dịch khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức đăng ký giao dịch không thực hiện giải trình, công bố thông tin, khắc phục nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị tạm dừng giao dịch;

b) Tổ chức đăng ký giao dịch bị âm vốn chủ sở hữu căn cứ theo báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét. Trường hợp tổ chức đăng ký giao dịch là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp. Trường hợp tổ chức đăng ký giao dịch có công ty con thì vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

c) Tổ chức đăng ký giao dịch ngừng hoặc bị ngừng các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính từ một (01) năm trở lên;

d) Tổ chức kiểm toán có ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính năm gần nhất của tổ chức đăng ký giao dịch;

e) Tổ chức đăng ký giao dịch có chứng khoán bị hủy bỏ niêm yết và chưa khắc phục nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị hủy bỏ niêm yết quy định tại Điểm b, h, k, m Khoản 1 Điều 60 Nghị định 58/2012/NĐ-CP;

2. Căn cứ giải trình, công bố thông tin, khắc phục nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị hạn chế giao dịch của tổ chức đăng ký giao dịch, SGDCK

xem xét cho phép chứng khoán đăng ký giao dịch bị hạn chế giao dịch được giao dịch trở lại bình thường.

3. SGDCK thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đồng thời yêu cầu tổ chức đăng ký giao dịch giải trình, công bố thông tin trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Điều 33. Đình chỉ giao dịch

1. Chứng khoán đăng ký giao dịch bị đình chỉ giao dịch khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức đăng ký giao dịch không xác định được trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;

b) Tổ chức đăng ký giao dịch có chứng khoán bị hủy bỏ niêm yết và chưa khắc phục nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị hủy bỏ niêm yết, thuộc các trường hợp bị hủy niêm yết quy định tại Điểm 1 Khoản 1 Điều 60 Nghị định 58/2012/NĐ-CP;

c) UBCKNN, SGDCK phát hiện tổ chức đăng ký giao dịch giả mạo hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc hồ sơ đăng ký giao dịch chứa đựng những thông tin sai lệch nghiêm trọng ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư;

d) Tổ chức đăng ký giao dịch vi phạm nghiêm trọng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

e) SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. Căn cứ giải trình, công bố thông tin khắc phục nguyên nhân dẫn đến chứng khoán bị đình chỉ giao dịch của tổ chức đăng ký giao dịch, SGDCK xem xét cho phép chứng khoán đăng ký giao dịch bị đình chỉ giao dịch được giao dịch trở lại bình thường.

3. SGDCK thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đồng thời yêu cầu tổ chức đăng ký giao dịch giải trình, công bố thông tin trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Điều 34. Hủy đăng ký giao dịch

1. Chứng khoán đăng ký giao dịch bị hủy đăng ký giao dịch trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư 180/2015/TT-BTC và Khoản 11 Điều 1 Thông tư 13/2019/TT-BTC.

2. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện chứng khoán đăng ký giao dịch có khả năng bị hủy đăng ký giao dịch, SGDCK ban hành Quyết định hủy đăng ký giao dịch và công bố thông tin ra thị trường.

3. SGDCK có thể xem xét cho chứng khoán thuộc diện bị hủy đăng ký giao dịch được tiếp tục giao dịch trong một khoảng thời gian nhất định nhưng không quá ba mươi (30) ngày trước ngày hủy đăng ký giao dịch.

Chương V

NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TRONG THỜI GIAN BỊ HẠN CHẾ CHUYÊN NHƯỢNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Điều 35. Nghĩa vụ của tổ chức đăng ký giao dịch

1. Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính về công bố thông tin của công ty đại chúng, Quy chế công bố thông tin tại SGDCK và các quy định liên quan.
2. Tuân thủ quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định liên quan.
3. Thực hiện các cam kết (nếu có) đối với SGDCK.
4. Cập nhật và công bố thông tin qua hệ thống quản lý thông tin của SGDCK.
5. Bổ sung hồ sơ của tổ chức đăng ký giao dịch trong trường hợp cần thiết và/hoặc theo yêu cầu của SGDCK.
6. Cập nhật thường xuyên và thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế của SGDCK và các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Báo cáo danh sách cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan theo yêu cầu của SGDCK.

Điều 36. Nghĩa vụ của cổ đông lớn, cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyên nhượng, người nội bộ của tổ chức đăng ký giao dịch và người có liên quan của người nội bộ

1. Thực hiện các nghĩa vụ về báo cáo và công bố thông tin theo quy định của SGDCK và các quy định có liên quan khác về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Giải trình theo yêu cầu của SGDCK trong trường hợp cần thiết.

Chương VI

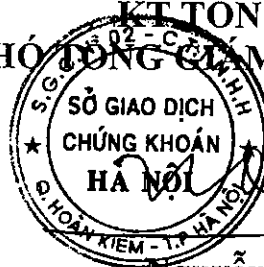
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Điều khoản thi hành

1. SGDCK thực hiện giám sát việc tuân thủ Quy chế này của các đối tượng áp dụng của Quy chế.
2. SGDCK chịu trách nhiệm ban hành các quy trình nghiệp vụ phù hợp với Quy chế này.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc SGDCK quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị SGDCK thông qua và được sự chấp thuận của UBCKNN./.

KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Như Quỳnh



Phụ lục: Ký hiệu các trạng thái chứng khoán trong ngày giao dịch

(Ban hành kèm theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

Trạng thái chứng khoán	Ký hiệu
Bình thường	P
Đăng ký giao dịch mới	N
Đăng ký giao dịch bổ sung	I
Giảm vốn	D
Ngày giao dịch không hưởng cổ tức	XD
Ngày giao dịch không hưởng lãi	XI
Ngày giao dịch không hưởng quyền mua	XR
Ngày giao dịch không hưởng quyền họp đại hội cổ đông	M
Giao dịch đặc biệt (Chứng khoán không có giao dịch trên 25 phiên liên tiếp)	ST
Bị tạm ngừng giao dịch	H
Chứng khoán hạn chế giao dịch (Chứng khoán không được giao dịch trong ngày)	LM